TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HC-ST
Ngày: 31-7-2024
V/v Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Phước;

2. Ông Võ Đức Thành.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Xông - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 43/2024/TLST-HC ngày 25/3/2024 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2024/QĐXXST-HC ngày 18/7/2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Nguyễn Quang S, sinh năm 1957; địa chỉ: số C, tổ G, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: khu phố B, đường C, phường M, thành phố B, tỉnh Bình Dương. *Người đại diện hợp pháp của người bị kiện*: ông Lê Văn H, chức vụ Phó Chủ tịch (theo Văn bản ủy quyền số 13/UQ-UBND ngày 04/4/2024). Ông Lê Văn H có Văn bản số 1024/UBND-NC ngày 26/6/2024 đề nghị vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Văn Quang M, sinh năm 1977 và bà Văn Thị H1, sinh năm 1978; cùng địa chỉ: tổ A, khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương. Ông Văn Quang M và bà Văn Thị H1 có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo Đơn khởi kiện ngày 21/11/2023, người khởi kiện ông Nguyễn Quang S (gọi tắt là ông S) trình bày*:

Ngày 20/01/1990, Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Bến Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 161/GCN-SB cho bà Nguyễn Thị H2 (mẹ của ông S), số vào sổ H272 với diện tích 18.130m^2 tọa lạc tại xã (nay là phường) H. Ngày 17/01/2000, hộ bà Nguyễn Thị H2 được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Bến Cát cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00077 QSDĐ/39/QĐ-UB với tổng diện tích 47.533m^2 thuộc các thửa đất số 14, 20, 21 tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 4, 76, 121 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại xã (nay là phường).

Ngày 30/6/2008, hộ bà Nguyễn Thị H2 lập văn bản phân chia tài sản, trong đó: ông S được hưởng phần diện tích 971m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 14, 20, 21 tờ bản đồ số 03 phường H. Ngày 15/8/2008, ông S được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Bến Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 265108, số vào sổ H02605 với diện tích 917m^2 thuộc các thửa đất số 14, 20, 21 tờ bản đồ số 03 phường H, có vị trí tứ cận: Đông giáp đất bà Văn Thị Q, Tây giáp đất ông Nguyễn Ngọc H3 (thửa đất số 06, 48, 330), Nam giáp mương nước và Bắc giáp đất ông Nguyễn Ngọc H3 (thửa đất số 36). Hiện trạng đất có trụ bê tông xác định ranh mốc rõ ràng, đất sử dụng ổn định không tranh chấp.

Đến nay, ông S phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp không đúng thực trạng nên ông S làm đơn kiến nghị gửi Chi nhánh Văn phòng Đ (nay là thành phố) B kiểm tra, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 265108, số vào sổ H02605 ngày 15/8/2008 để cấp lại với lý do: cấp trùng thửa đất với ông Văn Quang M và bà Văn Thị H1. Ngày 19/9/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ (nay là thành phố) B phối hợp cùng Ủy ban nhân dân phường H kiểm tra hiện trạng sử dụng đất của ông Nguyễn Quang S, ông Văn Quang M, bà Văn Thị H1 và có Công văn số 3630/CNBC-THHC ngày 10/11/2023 trả lời như sau: *"Qua kết quả kiểm tra cho thấy, thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H (trùng vị trí thửa đất số 427, tờ bản đồ số 03) được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 26518, số vào sổ H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S. Tuy nhiên, ông Nguyễn Quang S không quản lý sử dụng mà do ông Văn Quang M và bà Văn Thị H1 quản lý sử dụng và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận số CU 825419, số vào sổ cấp GCN: CS12379 ngày 10/02/2020 tại thửa đất số 427, tờ bản đồ số 03, phường H (thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 trùng vị trí thửa đất số 427, tờ bản đồ số 03). Việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S tại thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H là không đúng quy định pháp luật (không đúng đối tượng sử dụng đất). Đất có nguồn gốc nhận thừa kế từ bà Nguyễn Thị H2 năm 2008. Do đó, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Đ đề nghị ông Nguyễn Quang S liên hệ Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định".*

Việc Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Bến Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 265108, số vào sổ H02605 ngày 15/8/2008 cho ông S tại thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H là không đúng quy định pháp luật (không đúng đối tượng sử dụng đất) đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S. Vì vậy, ông S làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S với diện tích 917m^2 thuộc các thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H; yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân

thành phố B thực hiện nhiệm vụ công vụ để ông S được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thực tế sử dụng.

** Tại Văn bản số 1578/UBND-NC ngày 16/4/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B trình bày (bút lục 83)*:

Ngày 20/01/1990, bà Nguyễn Thị H2 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 161/GCN-SB, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H272 với diện tích 18.130m^2 đất tọa lạc tại xã H. Ngày 17/01/2000, hộ bà Nguyễn Thị H2 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00077 QSDĐ/39/QĐ-UB với tổng diện tích 47.533m^2 thuộc các thửa đất số 14, 20, 21 tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 4, 76, 121 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại xã H. Ngày 25/02/2004, bà Nguyễn Thị H2 chết (Giấy chứng tử số 06, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường H cấp ngày 26/02/2024).

Ngày 30/6/2008, hộ bà Nguyễn Thị H2 lập văn bản phân chia tài sản, trong đó: ông Nguyễn Quang S được hưởng phần diện tích 917m^2 đất lúa thuộc thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 phường H. Ngày 15/8/2008, ông Nguyễn Quang S được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 với diện tích 917m^2 thuộc các thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S chỉ thực hiện trích lục bản đồ địa chính.

Qua rà soát hồ sơ cấp giấy chứng nhận có liên quan và kết quả kiểm tra hiện trạng sử dụng đất, nhận thấy: thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S. Tuy nhiên, thực tế ông Nguyễn Quang S không quản lý, sử dụng thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 mà sử dụng thửa đất số 08, 09, 10, 11, 47, tờ bản đồ số 03 (thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 trùng với thửa đất số 427, tờ bản đồ số 03, phường H đã được Ủy ban nhân dân thị xã B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS12379 ngày 10/02/2020 cho ông Văn Quang M và bà Văn Thị H1, ông M, bà H1 là người thực tế sử dụng thửa đất này).

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S tại thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H là không đúng quy định (không đúng đối tượng sử dụng đất). Do đó, ông S khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 tại các thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H, thị xã B là có cơ sở.

Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Quang S nêu trên có nguồn gốc nhận thừa kế từ bà Nguyễn Thị H2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai, khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ thì việc xử lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết yêu cầu của ông Nguyễn Quang S theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Văn Quang M (gọi tắt là ông M) và bà Văn Thị H1 (gọi tắt là bà H1) trình bày*:

Ông M, bà H1 là đồng sử dụng phần đất diện tích 1.834,6m^2 thuộc thửa đất số 427, tờ bản đồ số 03 tại phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12379 ngày 10/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp cho ông Văn Quang M và bà Văn Thị H1. Phần đất này hiện ông M, bà H1 đang trồng cây cao su và sử dụng ổn định khoảng từ năm 2001 cho đến nay. Nguồn gốc đất do được mẹ ông M, bà H1 là bà Lê Thị N tặng cho. Việc sử dụng đất là ổn định, không có ai tranh chấp, ranh giới đất rõ ràng với các bên. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố B xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Quang S đối với thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 là trùng với phần đất thuộc thửa đất số 427 của ông M, bà H1 đang quản lý, sử dụng là không đúng đối tượng sử dụng đất. Việc ông S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H02605 ngày 15/8/2008 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Quang S đối với các thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 là phù hợp nên ông M, bà Hòa đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của ông S, đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S để ông S được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với phần đất thực tế ông S đang quản lý sử dụng. Đất của ông M, bà H1 hiện nay đang trồng cây cao su; hướng Bắc giáp mương nước, các hướng còn lại có trụ bê tông ngăn cách với các thửa đất của các hộ liên ranh, không có ai tranh chấp nên ông M và bà H1 không có yêu cầu độc lập gì trong vụ án. Do bận công việc riêng, không thể tham gia vào quá trình tố tụng của Tòa án nên ông M, bà H1 đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng; các văn bản tố tụng nếu có thì đề nghị Tòa án giao lại cho ông S để ông S giao lại cho ông M, bà H1 vì ở gần nhau và cùng khu phố H. Đồng thời, ông M, bà H1 cung cấp cho Tòa án Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS12379 ngày 10/02/2020 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp và bản phô tô Căn cước công dân của ông M, bà H1.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S đối với diện tích đất 917m^2 thuộc các thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 phường H; yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định để ông S được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng thực tế đất đang sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương có ý kiến: Việc Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Về hướng giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy: yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang S là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S đối với diện tích đất 917m^2 thuộc các thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 phường H. Về kiến nghị, khắc phục thiếu sót: không.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; trên cơ sở văn bản trình bày ý kiến của các bên đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương hướng giải quyết vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hành chính về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang S (gọi tắt là ông S) về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S tại thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H với lý do không đúng đối tượng sử dụng đất, nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ do người khởi kiện và người bị kiện cung cấp, thì: nguồn gốc đất ông S đang quản lý, sử dụng là của bà Nguyễn Thị H2, được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Bến Cát cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 161/GCN-SB, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H272 ngày 20/01/1990. Đến ngày 17/01/2000, hộ bà Nguyễn Thị H2 được Ủy ban nhân dân huyện B cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00077 QSDĐ/39/QĐ-UB với tổng diện tích 47.533m^2 thuộc các thửa đất số 14, 20, 21 tờ bản đồ số 03 và thửa đất số 4, 76, 121 tờ bản đồ số 04 tọa lạc tại xã H (bút lục C). Ngày 25/02/2004, bà Nguyễn Thị H2 chết theo Giấy chứng tử số 06, quyển số 01 ngày 26/02/2004 do Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) Hòa Lợi cấp (bút lục 47). Ngày 30/6/2008, các thành viên trong hộ bà H2 gồm: Văn Thị H4, Văn Thị M1, Văn Thị T, Văn Thị T1, Nguyễn Quang S, Nguyễn Thị K và Văn Thị L lập Văn bản phân chia tài sản, theo đó: ông Nguyễn Quang S được hưởng phần đất diện tích 917m^2 LUA, đất thuộc thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03 (bút lục 43-44). Ngày 15/8/2008, ông Nguyễn Quang S được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 với diện tích 917m^2 gồm 03 thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H, có tứ cận: Bắc giáp đường đất; N1 và Đông giáp thửa đất số 19; Tây giáp thửa đất số 15 (bút lục 09).

[3] Đến năm 2023, ông S phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông S không đúng hiện trạng thực tế đất đang sử dụng, cụ thể: phần đất ông S đang quản lý sử dụng là thuộc các thửa đất số 08, 09, 10, 11, 47 tờ bản đồ số 03, có tứ cận: Đông giáp đất bà Văn Thị Q, Tây giáp đất ông Nguyễn Ngọc H3 (thửa đất số 06, 48, 330), Nam giáp mương nước và Bắc giáp đất ông Nguyễn Ngọc H3 (thửa đất số 36). Do đó, ông S làm đơn kiến nghị đến Chi nhánh Văn phòng Đ (nay là thành phố) B đề nghị kiến nghị thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 đã cấp cho ông S với lý do: cấp trùng thửa đất số 427, tờ bản đồ số 03 phường H, diện tích 1.834,6m^2 của ông Văn Quang M và bà Văn Thị H1. Tuy nhiên, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thị xã Đ điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn ông S liên hệ Tòa án nhân dân các cấp có thẩm quyền để được giải quyết theo quy định của pháp luật. Do đó, ông S khởi kiện Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B để yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 cho ông Nguyễn Quang S tại thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H để cấp lại theo đúng hiện trạng thực tế đất đang sử dụng.

[4] Xét các chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của ông S đã được Chi nhánh Văn phòng Đ (nay là thành phố) Bến Cát xác định tại Công văn số 3630/CNBC-THHC ngày 10/11/2023 *"về việc kiểm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Quang S, đất tọa lạc phường H"* (bút lục 11-12); Phòng T2 (nay là thành phố) Bến Cát xác định tại Báo cáo số 1520/BC-TNMT ngày 10/4/2024 và người bị kiện Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B thừa nhận tại Văn bản số 1578/UBND-NC ngày 16/4/2024 *"về việc nêu ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang S"* (bút lục 82-83) nên theo quy định tại khoản 2 Điều 79 của Luật Tố tụng hành chính thì đây được xem là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[5] Từ những phân tích và lập luận nêu trên, căn cứ quy định tại điểm d khoản 2 và khoản 3 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013, khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ *"quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai"* thì việc xử lý thiệt hại do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đúng quy định của pháp luật gây ra thực hiện theo quyết định hoặc bản án của Tòa án nhân dân. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang S đối với Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, chấp nhận ý kiến của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B và ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông M, bà H1 nêu ra; hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) B cấp cho ông Nguyễn Quang S để ông S thực hiện các thủ tục cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai theo đúng hiện trạng thực tế đất đang sử dụng. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương về hướng giải quyết vụ án là có căn cứ.

[6] Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh Bình Dương phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 2 Điều 79, khoản 1 Điều 115, các Điều 158, 164, 191, 193, 194, 204, 206, 345, 348 của Luật Tố tụng hành chính; điểm d khoản 2 Điều 106 của Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ *"quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai"* và khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Quang S đối với Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) B về việc *"Khiếu kiện quyết định hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 265108, số vào sổ cấp giấy chứng nhận H02605 ngày 15/8/2008 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) B cấp cho ông Nguyễn Quang S với diện tích 917m^2 tại các thửa đất số 14, 20, 21, tờ bản đồ số 03, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Ông Nguyễn Quang S được quyền thực hiện lại các thủ tục để được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai theo đúng hiện trạng thực tế đất đang sử dụng.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương phải chịu 300.000 đồng.

3. Báo cho người khởi kiện có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Cục THADS tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Tòa HC, HCTP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đắc Cường